

Số: 910 /GPMT-UBND

Đồng Tháp, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của  
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều  
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 293/QĐ-UBND-HC ngày 12 tháng 3 năm 2021 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường  
dự án Nhà máy sản xuất phân bón Mai Vàng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn  
Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng;*

*Xét nội dung Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án đầu tư  
Nhà máy sản xuất phân bón Mai Vàng đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn  
bản số 01.08/CV-MV ngày 01 tháng 8 năm 2022 của Công ty Trách nhiệm hữu  
hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số  
516/TTr-STNMT ngày 12 tháng 8 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng, địa chỉ tại Quốc lộ 54, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư Nhà máy sản xuất phân bón Mai Vàng với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy sản xuất phân bón Mai Vàng

1.2. Địa điểm hoạt động: Quốc lộ 54, ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: 6354324612

1.4. Mã số thuế: 1401988597

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: sản xuất phân bón hóa học (loại hình phối trộn).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Diện tích đất sử dụng: 4.777,6 m<sup>2</sup>

- Công suất thiết kế: 46.000 tấn sản phẩm/năm (phối trộn phân bón NPK ba màu, phối trộn NPK một màu đạt công suất 39.000 tấn/năm; sang bao, đóng gói phân hữu cơ theo yêu cầu khách hàng công suất 5.000 tấn/năm; sang chiết, đóng gói phân bón lá công suất 2.000 tấn/năm).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Nông nghiệp Mai Vàng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự

cổ khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 đến ngày 15 tháng 8 năm 2032).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Công Thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Công an Tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung và Chủ dự án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu: VT, NC/KT.lgv(11 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Huỳnh Minh Tuấn**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 910/GPMT-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

## A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

### 1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên, công nhân làm việc, lưu lượng phát sinh tối đa khoảng 5,25 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: nước thải từ công đoạn vệ sinh dụng cụ, máy móc thiết bị các dây chuyền phối trộn phát sinh khoảng 100 lít/ngày; tuy nhiên lượng nước này có hàm lượng phân bón là chủ yếu nên công ty tận dụng tái sử dụng 100% cấp cho công đoạn sản xuất phân bón dạng lỏng.

### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

**2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:** sông Hậu đoạn chảy qua dự án thuộc địa bàn ấp Tân Định, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

**2.2. Vị trí xả nước thải:** Đầu ra ống nhựa uPVC 90mm thoát nước thải sinh hoạt sau xử lý ra sông Hậu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°): X=1135792, Y=562719.

**2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:** 5,25 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 0,22 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: theo cơ chế tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải sinh hoạt, cột A với hệ số K=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	pH	-	5 - 9	06 tháng/lần	Không có
2	BOD <sub>5</sub> ở 20°C	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	06 tháng/lần	Không có
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	06 tháng/lần	Không có
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1.0	06 tháng/lần	Không có
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30	06 tháng/lần	Không có
8	Tổng dầu, mỡ động thực vật	mg/l	10	06 tháng/lần	Không có
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	06 tháng/lần	Không có
10	Phosphore (tính theo P)	mg/l	6	06 tháng/lần	Không có
11	Tổng <i>Coliforms</i>	MPN/100ml	3.000	06 tháng/lần	Không có

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt tại khu văn phòng, nhà vệ sinh được thu gom theo đường ống nhựa uPVC Ø90mm với tổng độ dài L=36m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt BASTAF 05 ngăn (có thể tích 06 m<sup>3</sup>) xử lý trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: được thu gom vào bể tự hoại cải tiến BASTAF 05 ngăn, có thể tích 06 m<sup>3</sup> với quy trình xử lý như sau: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lên men kỵ khí → Ngăn tách pha → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Nước thải sau xử lý cam kết đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, sau đó được nối với ống nhựa uPVC Ø90mm để thoát ra sông Hậu qua 01 điểm xả có tọa độ X=1135792, Y=562719.

- Nước thải vệ sinh thiết bị dây chuyền sản xuất: bố trí 01 thùng nhựa loại 500 lít đặt cuối khu vực sản xuất phân bón dạng lỏng. Định kỳ vào cuối ngày khi vệ sinh thiết bị dây chuyền, toàn bộ nước thải được thu gom, chứa vào thùng nhựa để tiếp tục làm nước cấp lại cho dây chuyền sản xuất dạng lỏng. Do nước

vệ sinh thiết bị có chứa hàm lượng các chất dinh dưỡng chủ yếu là phân bón nên Công ty tái sử dụng toàn bộ làm nguyên liệu cấp cho dây chuyền sản xuất phân bón dạng lỏng.

### ***1.3. Biện pháp ứng phó sự cố***

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt xảy ra sự cố: điều chỉnh sản lượng sản xuất và lượng công nhân làm việc phù hợp để có đủ thời gian sửa chữa, phục hồi hệ thống.

- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phân A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

## Phụ lục 2

# NỘI DUNG ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 910/GPMT-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

#### 1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: khí thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất.
- Nguồn số 02: khí thải phát sinh từ quá trình đóng gói phân bón.
- Nguồn số 03: khí thải từ quá trình tập kết nguyên liệu.

#### 2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

**2.1. Vị trí xả khí thải:** tại ống khói xả khí thải của hệ thống xử lý khí thải (đường kính Ø400mm, chiều cao 8m), có tọa độ X=1135841, Y=562785 theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiếu 3°.

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 6.000 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: theo chu kỳ (10 giờ/ngày), thời gian xả thải trong chu kỳ từ 07 giờ 00 phút - 17 giờ 00 phút hàng ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ, cột B và QCVN 21:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /giờ	-	06 tháng/lần	Không có
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	06 tháng/lần	Không có
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500	06 tháng/lần	Không có
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850	06 tháng/lần	Không có
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000	06 tháng/lần	Không có

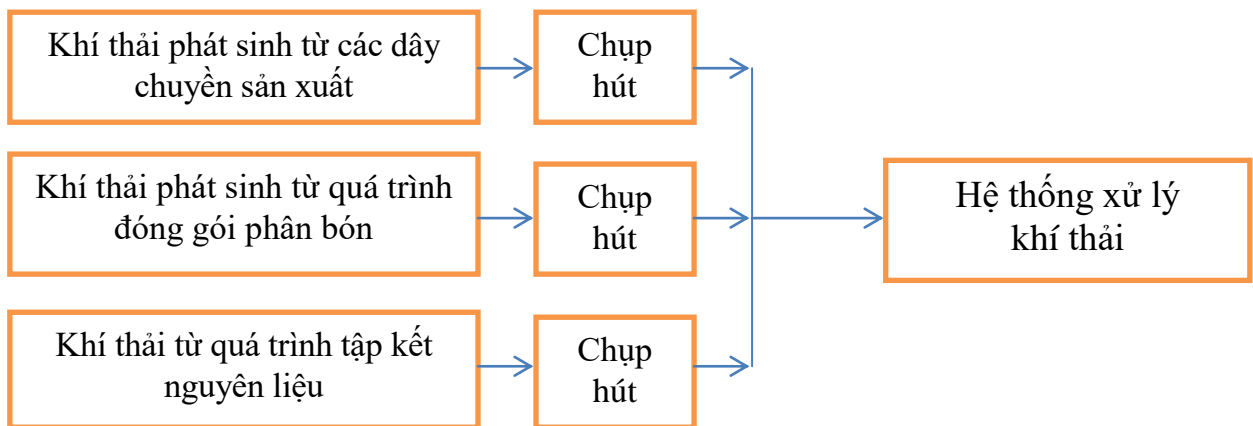
6	H <sub>2</sub> S	mg/Nm <sup>3</sup>	7,5	06 tháng/lần	Không có
7	NH <sub>3</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	50	06 tháng/lần	Không có

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các dây chuyền sản xuất (phôi trộn, sang, chiết, đóng gói) và tập kết nguyên liệu tại khu vực xưởng sản xuất được thu gom qua chụp hút đưa về hệ thống xử lý khí thải của dự án.



#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Công nghệ xử lý khí thải: mùi, bụi, khí thải → Quạt hút → Cyclone → Tháp hấp thụ → Lọc than hoạt tính → Quạt hút → Khí sạch thoát ra ngoài môi trường với tọa độ X=1135841, Y=562785.

- Bụi, khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi và khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ; QCVN 21:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất phân bón hóa học, cột B.

#### 1.3. Biện pháp, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, đường ống dẫn.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải được đào tạo các kiến thức về công trình vận hành xử lý bụi, mùi, khí thải.



- Trong trường hợp sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Chủ dự án sẽ ngưng hoạt động sản xuất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 910/GPMT-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn

- Các bộ phận máy móc, thiết bị hoạt động tại xưởng sản xuất.
- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, thành phẩm ra vào khu vực dự án.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn

Tiếng ồn phát sinh từ dự án (tại điểm trung tâm dự án) có tọa độ X = 1135327, Y = 562788 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°, múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau**

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	06 tháng/lần	Khu vực đặc biệt
2	70	55	06 tháng/lần	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN

#### 1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe; hạn chế bóp còi xe trong khuôn viên dự án.

- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên và định kỳ để đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn trong tình trạng hoạt động tốt, êm, không tạo tiếng ồn do mòn hỏng thiết bị.

- Các máy móc, thiết bị phát sinh ồn đều được đặt trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm tiếng ồn và độ rung.

- Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị bị mài mòn.

- Bố trí thời gian sản xuất, xuất nhập hàng hợp lý, không hoạt động vào ban đêm.

- Công nhân sẽ được trang bị đầy đủ các phương tiện tránh ồn như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ lao động, đặc biệt tại những vị trí làm việc có mức ồn cao.

#### 2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

## Phụ lục 4

### ĐỀ XUẤT NỘI DUNG YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 910/GPMT-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

#### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

##### 1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

**1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:** trong quá trình hoạt động của nhà máy phát sinh các loại chất thải nguy hại như hộp mực in thải, bóng đèn thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải, bao bì cứng bằng kim loại thải, giẻ lau, vải dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ thải,... khối lượng phát sinh khoảng 20 kg/năm.

**1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:** tổng lượng chất thải rắn phát sinh từ quá trình sản xuất khoảng 500 kg/tháng, bao gồm bao bì, thùng carton, bao nilon,...

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy được thu gom, phân loại, bao gồm: rác hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa, giấy vụn,...), rác thải vô cơ (bao nilon, vỏ lon, thủy tinh,...), khối lượng khoảng 25 kg/ngày.

##### 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

###### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: trang bị 04 thùng chứa có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại, để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn nguy hại với thể tích 120 lít. Mỗi loại chất thải được lưu giữ trong mỗi thùng riêng biệt có dán tên, mã số chất thải nguy hại theo quy định.

###### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho/khu vực lưu chứa trong nhà: 04 m<sup>2</sup>
- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: nền tráng xi măng lót gạch, vách tường, mái lợp tole, có vách ngăn nước mưa từ bên ngoài vào và bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài, được bố trí cuối nhà kho phân xưởng sản xuất. Kho có dán biển cảnh báo theo đúng quy định.

###### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

Chủ dự án bố trí các thùng rác để phân loại và lưu trữ chất thải của dự án, cụ thể:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:
  - + 02 thùng rác dung tích 240 lít có bánh xe, nắp đậy phía trước cổng và khu vực xuất nhập hàng tại bến bãi để thu gom tập trung rác thải sinh hoạt phát sinh.

+ Các thùng rác dung tích 15 lít (03 cái) bố trí trong khu vực nhà văn phòng, hàng ngày được thu gom tập kết ra thùng chứa lớn dung tích 240 lít.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: các loại giấy vụn, thùng carton, bao bì nilon,... được thu gom, lưu giữ riêng; phần chất thải rắn công nghiệp thông thường này có khả năng tái sử dụng nên được thu gom triệt để và lưu giữ ở khu vực chứa phế liệu, để tái sử dụng lại hoặc định kỳ bán cho cơ sở thu mua phế liệu tại địa phương.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

### **1. Biện pháp phòng chống cháy nổ**

Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quy định gồm: hệ thống báo cháy tự động, hệ thống chữa cháy vách tường, ngoài ra còn trang bị thêm bình chữa cháy xách tay tại các hành lang chung và khu vực sản xuất, thiết bị phòng cháy chữa cháy dễ nhìn thấy và dễ lấy:

- 01 máy bơm điện 15 HP và 01 máy bơm động cơ diesel 15 HP.

- 02 hộp cứu hỏa 600 x 400 x 200 mm, trong mỗi hộp có: 01 van khóa đường kính 50 mm, 01 cuộn vòi đường kính 50mm dài 100m, 01 lãn phun nước chữa cháy đường kính 50 mm/13mm với lưu lượng 2,5 l/s ở áp lực 2,5 kg/cm<sup>2</sup>.

- 10 bình chữa cháy 8 - 12 kg tại các vị trí dây chuyền sản xuất.

- Đối với nhân viên làm việc trong các khu vực dễ cháy và văn phòng cấm không hút thuốc.

- Các phương tiện chữa cháy sẽ được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Các thiết bị điện sẽ được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện của các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm.

- Thường xuyên kiểm tra các hệ thống thông gió và điều hòa không khí.

- Phối hợp với cảnh sát phòng cháy chữa cháy thường xuyên tổ chức huấn luyện, tuyên truyền, hướng dẫn định kỳ cho công nhân, người lao động.

### **2. Sự cố tràn đổ phân bón (nguyên liệu)**

- Không chở quá tải trọng cho phép.

- Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ và đường thủy.

- Trang bị thùng chứa, giẻ lau và các dụng cụ thu gom để xử lý khi có sự cố tràn đổ/đổ vỡ nguyên liệu, phân bón. Cô lập khu vực tràn đổ, di dời các vật dụng và phân bón lân cận ra khỏi khu vực tràn đổ và nhanh chóng thu dọn sạch sẽ, dùng giẻ lau làm sạch nền kho, không tưới nước để tránh làm ảm.

- Có biện pháp thông thoáng không khí, bảo quản tốt phân bón trong kho, hạn chế làm hư hỏng bao bì, đổ tràn phân bón nguyên liệu.

- Thường xuyên nhắc nhở công nhân cẩn trọng trong quá trình xuất - nhập phân bón.

### **3. Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải**

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, phát hiện sự cố một cách sớm nhất.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt xảy ra sự cố: điều chỉnh sản lượng sản xuất và lượng công nhân làm việc phù hợp để có đủ thời gian sửa chữa, phục hồi hệ thống.

- Báo ngay cho nhà cung cấp hoặc cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

### **4. Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ các công trình xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo khí thải đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Chuẩn bị một số bộ phận, thiết bị dự phòng đối với các bộ phận dễ hư hỏng như: quạt hút, đường ống dẫn.

- Công nhân vận hành hệ thống xử lý khí thải được đào tạo các kiến thức về công trình vận hành xử lý bụi, mùi, khí thải.

- Trong trường hợp sự cố không tự khắc phục được tại chỗ thì Chủ dự án sẽ ngưng hoạt động sản xuất để sửa chữa và khắc phục, khi nào khắc phục và sửa chữa xong sẽ tiếp tục sản xuất.

### **5. Ứng phó sự cố đối với kho lưu chứa chất thải nguy hại**

- Xây dựng nhà kho lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, tránh nước mưa rơi xuống cuốn theo chất thải vào đường thoát nước, đảm bảo các yêu cầu theo quy định về quản lý, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý có các biện pháp để phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

### **6. Phòng ngừa sạt lở bờ sông Hậu**

- Xây dựng bờ kè bê tông cốt thép (có giấy phép bện thủy nội địa), kiểm tra bảo dưỡng đối với bờ kè.

- Yêu cầu thuyền viên/tài công tắt bơm làm mát máy khi tàu neo đậu tại bên dự án; giảm tốc độ khi đến khu vực dự án, hạn chế tối thiểu của sóng đánh vào bờ gây sạt lở; đảm bảo tốc độ cũng như an toàn khi lưu thông đường thủy, tránh xảy ra sự cố mất an toàn.

- Bố trí lịch tiếp nhận hợp lý, tránh ùn ứ do nhiều phương tiện cập bến cùng lúc.

- Thường xuyên theo dõi hàng ngày dòng chảy, mực nước, theo dõi tình hình sạt lở nếu có xảy ra hai bên bờ khu vực dự án./.